|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS VÀ THPT**  **NGỌC VIỄN ĐÔNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  Năm học: 2021 – 2022  Môn: Sinh học – Khối: 9  Thời gian: 45 phút *(không tính thời gian phát đề)*  MÃ ĐỀ 101 |

ĐỀ CHÍNH THỨC

**Họ và tên thí sinh:.............................................................. Lớp:............... SBD: ………..**

**Câu 1.** Ở ruồi giấm có bộ NST 2n = 8. Một tế bào trải qua giảm phân. Số NST trong tế bào ở kỳ đầu của giảm phân II là

**A.** 8 **B.** 4 **C.** 16 **D.** 32

**Câu 2.** Phả hệ là:

**A.** Sơ đồ biểu thị mối quan hệ họ hàng của mọi người trong gia đình.

**B.** Sơ đồ về kiểu gen mà con người nghiên cứu.

**C.** Sơ đồ theo dõi sự di truyền chỉ về các loại bệnh ở người.

**D.** Sơ đồ biểu thị sự di truyền về một tính trạng nào đó trên những người thuộc cùng một dòng họ qua các thế hệ.

**Câu 3.** Phương pháp nào dưới đây không được áp dụng để nghiên cứu di truyền ở người ?

**A.** Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh.

**B.** Phương pháp di truyền phân tử.

**C.** Phương pháp phả hệ.

**D.** Phương pháp lai phân tích.

**Câu 4.** Loại tế bào nào sau đây có bộ NST đơn bội?

**A.** Giao tử **B.** Hợp tử

**C.** Tế bào lưỡng bội 2n **D.** Tế bào xôma

**Câu 5.** Bệnh Đao là kết quả của :

**A.** Đột biến gen.

**B.** Đột biến đa bội thể.

**C.** Đột biến về cấu trúc nhiễm sắc thể.

**D.** Đột biến dị bội thể**.**

**Câu 6.** Mỗi chu kì xoắn của ADN cao 34Å gồm 10 cặp nuclêôtit. Vậy chiều dài của mỗi cặp nuclêôtit tương ứng với bao nhiêu Å?

**A.** 20 Å **B.** 1,7 Å **C.** 3,4 Å **D.** 17 Å

**Câu 7.** Tên gọi của phân tử ADN là:

**A.** Nuclêôtit **B.** Axit ribônuclêic

**C.** Axit nuclêic **D.** Axit đêôxiribônuclêic

**Câu 8.** Đột biến gen thường gây hại cho cơ thể mang đột biến vì

**A.** làm gen bị biến đổi dẫn tới không kế tục vật chất di truyền qua các thế hệ.

**B.** làm biến đổi cấu trúc gen dẫn tới cơ thể sinh vật không kiểm soát được quá trình tái bản của gen.

**C.** làm ngừng trệ quá trình phiên mã, không tổng hợp được prôtêin.

**D.** làm sai lệch thông tin di truyền dẫn tới làm rối loại quá trình sinh tổng hợp prôtêin.

**Câu 9.** Điều nào dưới dây không đúng khi nói về đột biến gen?

**A.** Đột biến gen là nguyên nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

**B.** Đột biến gen có thể có lợi, có hại hoặc trung tính.

**C.** Đột biến gen luôn gây hại cho sinh vật vì làm biến đổi cấu trúc của gen.

**D.** Đột biến gen có thể làm cho sinh vật ngày càng đa dạng, phong phú.

**Câu 10.** Cho một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có thứ tự các nuclêôtit là

AAT TTA GXG thì đoạn mạch bổ sung với nó có thứ tự là:

**A.** TAX TTA GXG **B.** XGX AAT ATG **C.** ATT AAT GXG **D.** TTA AAT XGX

**Câu 11.** Cơ thể lớn lên nhờ quá trình

**A.** vận động. **B.** phân bào.

**C.** hấp thụ chất dinh dưỡng. **D.** trao đối chất và năng lượng.

**Câu 12.** Phép lai nào sau dây được gọi là phép lai phân tích?

**A.** AA x Aa. **B.** Aa x AA. **C.** Aa x aa. **D.** Aa x Aa.

**Câu 13.** Các dạng đột biến cấu trúc NST được gọi là:

**A.** Cả A và B.

**B.** Mất , thêm, thay thế một đoạn nuclêôtit.

**C.** Mất, thêm, thay thế một cặp nuclêôtit.

**D.** Mất đoạn, chuyển đoạn, đảo đoạn, lặp đoạn.

**Câu 14.** Trẻ đồng sinh khác trứng có đặc điểm chung nào sau đây?

**A.** Kiểu gen khác nhau, nhưng vì cùng môi trường sống nên kiểu hình hoàn toàn giống nhau.

**B.** Được sinh ra từ hai hay nhiều trứng rụng cùng lúc, được thụ tinh bởi các tinh trùng khác nhau.

**C.** Kiểu gen giống nhau nên kiểu hình giống nhau.

**D.** Giới tính giống nhau.

**Câu 15.** Nguyên nhân gây đột biến gen là gì?

**A.** Đột biến gen phát sinh do sự rối loạn trong quá trình tự sao chép ADN dưới tác động của các yếu tố tự nhiên.

**B.** Do quá trình giao phối giữa các cá thể khác loài.

**C.** Con người gây đột biến nhân tạo bằng các tác nhân vật lí hoặc hóa học.

**D.** Cả B và C đúng.

**Câu 16.** Muốn phát hiện một cặp alen nào đó ở trạng thái đồng hợp hay dị hợp người ta sử dụng phương pháp nào sau đây?

**A.** Quan sát dưới kính hiển vi. **B.** Lai với bố mẹ.

**C.** Lai phân tích. **D.** Lai tương đương.

**Câu 17.** Tính trạng trội là

**A.** tính trạng có thể trội hoàn toàn hoặc trội không hoàn toàn.

**B.** tính trạng luôn biểu hiện ở F1.

**C.** tính trạng biểu hiện ở cá thể đồng hợp trội hay dị hợp.

**D.** tính trạng xuất hiện ở F2 với tỉ lệ ½.

**Câu 18.** Mức độ gây hại của alen đột biến đối với thể đột biến phụ thuộc vào

**A.** tác động của các tác nhân gây đột biến.

**B.** môi trường sống và tổ hợp gen mang đột biến.

**C.** điều kiện môi trường sống của thể đột biến.

**D.** tổ hợp gen mang đột biến.

**Câu 19.** Trong các tính trạng ở người sau: da trắng, tóc quăn, môi mỏng, mũi thẳng, da đen, lông mi dài. Các tính trạng trội là

**A.** Da trắng, môi mỏng, mũi thẳng.

**B.** Tóc quăn, da đen, lông mi dài.

**C.** Da trắng, môi mỏng, mũi thẳng.

**D.** Tóc quăn, môi mỏng, lông mi thẳng.

**Câu 20.** Cơ chế phát sinh đột biến cấu trúc NST là do tác dụng của các tác nhân gây đột biến, dẫn đến:

**A.** Gây ra sự sắp xếp lại các đoạn trên NST.

**B.** NST gia tăng số lượng trong tế bào.

**C.** Phá vỡ cấu trúc NST.

**D.** Cả A và B đều đúng.

**Câu 21.** Thể đồng hợp là

**A.** cá thể mang một số cặp gen đồng hợp trội, một số cặp gen đồng hợp lặn.

**B.** cá thể mang các gen giống nhau quy định một hay một số tính trạng nào đó.

**C.** cá thể mang toàn các cặp gen đồng hợp.

**D.** cá thể mang toàn các cặp gen đồng hợp trội.

**Câu 22.** Dạng đột biến gen làm dịch khung đọc mã di truyền là:

**A.** thay thế cặp A-T thành cặp T-A. **B.** thay thế cặp A-T thành cặp X-G

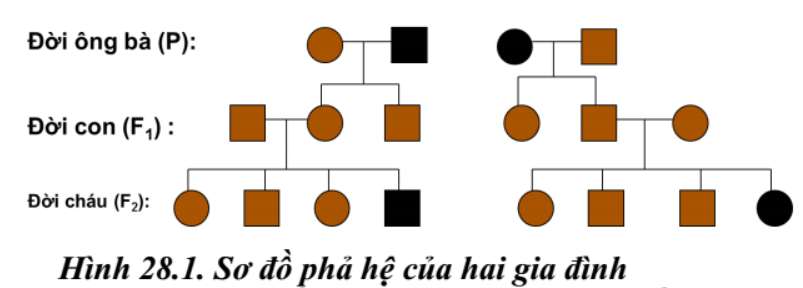
**C.** mất cặp nuclêôtit A-T hoặc G-X **D.** thay thế cặp G-X bằng cặp A-T.

**Câu 23.** Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?

**A.** tARN **B.** ADN **C.** rARN **D.** mARN

**Câu 24.** Một tế bào có 2n = 14. Số NST của tế bào ở kỳ sau của quá trình nguyên phân là

**A.** 7. **B.** 42. **C.** 14. **D.** 28.

**Câu 25.** Cho sơ đồ phả hệ sau của 2 gia đình về tính trạng màu mắt nâu và mắt đen. 

Nhận định nào sau đây đúng?

**A.** Tính trạng màu mắt do gen trội quy định.

**B.** Kiểu gen của người mẹ là đồng hợp.

**C.** Tính trạng màu mắt do gen nằm trên NST thường quy định**.**

**D.** Gen quy định tính trạng màu mắt có thể nằm trên NST giới tính.

**Câu 26.** Trong giảm phân, NST nhân đôi

**A.** ở kỳ trung gian của cả 2 lần phân bào.

**B.** 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào I và 2 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào II.

**C.** 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào II.

**D.** 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào I.

**Câu 27.** Vì sao phụ nữ trên 35 tuổi, tỉ lệ sinh con bị bệnh Đao cao hơn người bình thường?

**A.** Tế bào sinh trứng bị lão hoá, quá trình sinh lí sinh hóa nội bào bị rối loạn.

**B.** Vật chất di truyền bị biến đổi.

**C.** Ảnh hưởng của tâm sinh lý.

**D.** Khả năng thụ tinh thấp.

**Câu 28.** Bệnh Tơcnơ là một dạng bệnh:

**A.** Chỉ xuất hiện ở nam.

**B.** Chỉ xuất hiện ở nữ.

**C.** Không xảy ra ở trẻ con, chỉ xảy ra ở người lớn.

**D.** Có thể xảy ra ở cả nam và nữ.

**Câu 29.** Một đoạn gen có 1500 Nucleotit. Trong đó, số Nucleotit T chiếm 20% . Vậy số Nuclêotit từng loại sẽ là:

**A.** A= T= 300 (Nu); G = X= 450 (Nu) **B.** A= T= 600 (Nu); G = X= 450 (Nu)

**C.** T= X= 300 (Nu); G = A= 450 (Nu) **D.** A= T= 600 (Nu); G = X= 900 (Nu)

**Câu 30.** Ý nghĩa của di truyền học là:

**A.** Có vai trò quan trọng đối với y học, công nghệ sinh học.

**B.** Cung cấp giống cho con người .

**C.** Cung cấp cơ sở lí thuyết cho khoa học chọn giống.

**D.** Cả A và B đều đúng .

**Câu 31.** Thành phần hoá học chủ yếu của NST là

**A.** Protein histon và axit nucleic. **B.** Protein anbumin và axit nucleic.

**C.** Protein và sợi nhiễm sắc. **D.** Protein và ADN.

**Câu 32.** Đột biến gen có những điểm nào giống biến dị tổ hợp?

**A.** Đều cung cấp nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

**B.** Đều là biến dị di truyền.

**C.** B và C đều đúng.

**D.** Đều thay đổi về cấu trúc gen.

**Câu 33.** Protein có mấy bậc cấu trúc không gian?

**A.** 4. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 34.** Muốn tiến hành phép lai phân tích, người ta cho đối tượng nghiên cứu

**A.** Tự thụ phấn.

**B.** Lai với cá thể đồng hợp lặn về tính trạng tương ứng.

**C.** Lai với bố mẹ.

**D.** Lai với F1.

**Câu 35.** NST là gì?

**A.** NST là cấu trúc nằm ngoài nhân tế bào, dễ bắt màu khi được nhuộm bằng dung dịch thuốc nhuộm mang tính kiềm.

**B.** NST là cấu trúc nằm ngoài nhân tế bào.

**C.** NST là cấu trúc nằm trong nhân tế bào, dễ bắt màu khi được nhuộm bằng dung dịch thuốc nhuộm mang tính kiềm.

**D.** NST là cấu trúc nằm trong nhân tế bào.

***------ HẾT ------***